TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2024/DS-PT
Ngày: 16-7-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Quốc Vũ;

2. Ông Phạm Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Địa chỉ trụ sở: Số A, đường L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1 – Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Địa chỉ: Số C, L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Đức T1, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Q1 và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Đ (Theo Văn bản ủy quyền số 12941.4/UQ – MBAMC ngày 21-12-2023 của ông Hà Anh D). Địa chỉ: Lầu C, Tòa nhà N, số I, đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Lê Văn S và anh Phạm Lê A, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Công ty TNHH Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q (Theo Văn bản ủy quyền số 31/UQ – MBAMC ngày 22-01-2024). Địa chỉ: Địa chỉ: Lầu C, Tòa nhà N, số I, đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985; trú tại: Số F, đường C, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: chị Nguyễn Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn S và anh Phạm Lê A là người đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 19-3-2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T2 ký Hợp đồng tín dụng số: 48709.21.735.5852168.TD; theo Khế ước số: LD2107802516; cho chị Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 10,9%/năm; ngày nhận nợ 20-3-2021; ngày đến hạn 19-3-2028.

Ngày 28-6-2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T2 ký Hợp đồng tín dụng số: 28269.22.735.5852168.TD; theo Khế ước số: LD2218035536; cho chị M vay số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất 11,1%/năm; ngày nhận nợ 29-6-2022; ngày đến hạn 29-9-2029.

Ngày 26-12-2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T2 ký Hợp đồng tín dụng số: 48709.21.735.5852168.TD, cho chị M vay 4.000.000.000. Cụ thể: Theo Khế ước số: LD2300450627; cho chị M vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/năm; ngày nhận nợ 04-01-2013; ngày đến hạn 04-12-2023. Theo Khế ước số: LD2107802516; cho chị M vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/năm; ngày nhận nợ 28-12-2022; ngày đến hạn 28-11-2023. Theo Khế ước số: LD2107802516; cho chị M vay số tiền 1.900.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/năm; ngày nhận nợ 29-12-2012; ngày đến hạn 29-11-2023.

Tổng cộng 03 hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T2 đã cho chị M vay số tiền tổng cộng là 5.900.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị M đã thanh toán (trả nợ) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T2 được số tiền tộng cộng là 942.731.294 đồng (trong đó, nợ gốc 375.002.859 đồng và nợ lãi 567.728.435 đồng). Dư nợ tạm tính đến ngày 15-4-2024 là 6.087.156.462 đồng (trong đó nợ gốc 5.524.997.141 đồng, nợ lãi là 562.159.321 đồng).

Khi vay, chị M có thế chấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 454251, số vào sổ cấp GCN: CH02424 do cho chị Nguyễn Thị Tuyết M đứng tên, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 939567.19.735.5852168.BD ký ngày 09-10-2019, số công chứng 8.555, quyển số 86.TP/CC-SCT/HĐGD và phụ

lục hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung ngày 26-12-2022 và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Q yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ thanh toán (trả) số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 15-4-2024 tổng cộng là: 6.087.156.462 đồng (trong đó, nợ gốc 5.524.997.141 đồng và nợ lãi là 562.159.321 đồng). Kể từ ngày 16-4-2024, chị M phải tiếp tục thanh toán (trả) nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 210, tờ bản đồ 41, toạ lạc tại khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 454251, số vào sổ cấp GCN: CH02424 do UBND Thị xã T, nay là thành phố T cấp ngày 05-10-2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M và trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T chi nhánh thành phố T cấp ngày 27-9-2019) để thu hồi nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M: Chị M đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa để giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 15-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với chị Nguyễn Thị Tuyết M về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 15-4-2024 là 6.087.156.462 đồng, trong đó nợ gốc là 5.524.997.141 đồng, nợ lãi là 562.159.321 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20-5-2024, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M có đơn kháng cáo; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và yêu cầu không tín lãi vay.

Tại phiên tòa, chị M trình bày: chị M đồng ý với tiền nợ vay như bản án sơ thẩm đã tuyên; nhưng chị xin nguyên đơn giảm tiền tiền lãi vay, vì dịch bệnh Covid-19 nên chị kinh doanh không được.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết M, yêu cầu chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và yêu cầu không tín lãi vay, nhận thấy:

Việc chị M vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được thể hiện qua các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ nêu trên. Theo nguyên đơn, do chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng từ tháng 8/2023 đến nay nên đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng thông báo yêu cầu chị M trả nợ nhưng chị M không thực hiện nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu chị M trả số hết tiền nợ vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 15-4-2024 là 6.087.156.462 đồng, trong đó bao gồm 5.524.997.141 đồng nợ gốc và 562.159.321 đồng nợ lãi và tiếp tục trả tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 16-4-2024 cho đến khi chị M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ. Tại phiên toà, chị M kháng cáo xin giảm tiền lãi vay nhưng nguyên đơn không đồng ý; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết M; chấp nhận lời trình bày của Kiểm sát viên tham gia phiên toà; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 325 của Bộ luật Dân sự; Điều 10, Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ – CP ngày 29-12-2006 về giao dịch bảo đảm; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 phí Tòa án quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với chị Nguyễn Thị Tuyết M về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

4.2. Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 15-4-2024 tổng cộng là 6.087.156.462 đồng (trong đó, nợ gốc là 5.524.997.141 đồng, nợ lãi là 562.159.321 đồng).

4.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (hoặc bên phải thi hành) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4.4. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 454251, số vào sổ cấp GCN: CH02424 do UBND Thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 05-10-2012 cho chị M khi chị M trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

4.5. Trường hợp chị Nguyễn Thị Tuyết M không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 210, tờ bản đồ 41, toạ lạc tại khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 454251, số vào sổ cấp GCN: CH02424 do UBND thị xã T, nay là thành phố T cấp ngày 05-10-2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M và trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T chi nhánh thành phố T cấp ngày 27-9-2019) để thu hồi nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 114.087.000 đồng.

5.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.913.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002068 ngày 17-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết M chịu 900.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Chị M có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Q tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 900.000 đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu số 0002859 ngày 27-5-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tp Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS tp Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn